

Số: /KH-UBND

Gia Lai, ngày tháng năm 2026

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chiến lược quốc gia phát triển ngành Dược Việt Nam giai đoạn đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Thực hiện Quyết định số 1165/QĐ-TTg ngày 09 tháng 10 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển ngành Dược Việt Nam giai đoạn đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045; Quyết định số 388/QĐ-BYT ngày 20 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược;

Trên cơ sở kế thừa Kế hoạch số 2127/KH-UBND ngày 18 tháng 9 năm 2024 của UBND tỉnh Gia Lai (cũ), Quyết định số 1493/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2024 của UBND tỉnh Bình Định và tình hình thực tế sau khi tỉnh Gia Lai mới được thành lập từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 trên cơ sở sáp nhập tỉnh Bình Định và tỉnh Gia Lai (cũ), UBND tỉnh Gia Lai ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia phát triển ngành Dược Việt Nam giai đoạn đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh như sau:

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;
- Luật Dược ngày 06 tháng 4 năm 2016; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Dược ngày 21 tháng 11 năm 2024 và các văn bản hướng dẫn thi hành có liên quan.
- Quyết định số 1165/QĐ-TTg ngày 09 tháng 10 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển ngành Dược Việt Nam giai đoạn đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045.
- Quyết định số 388/QĐ-BYT ngày 20 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia phát triển ngành Dược Việt Nam giai đoạn đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045.
- Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh.
- Kế hoạch số 2127/KH-UBND ngày 18 tháng 9 năm 2024 của UBND tỉnh Gia Lai về triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia phát triển ngành Dược Việt Nam giai đoạn đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Gia Lai (Kế hoạch số 2127/KH-UBND).
- Quyết định số 1493/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2024 của UBND tỉnh Bình Định ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia phát triển

ngành Dược Việt Nam giai đoạn đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045 tại tỉnh Bình Định (Quyết định số 1493/QĐ-UBND).

- Báo cáo số 137/BC-SYT ngày 16/3/2026 của Sở Y tế về kết quả thực hiện Kế hoạch triển khai Chiến lược quốc gia phát triển ngành Dược tại tỉnh Gia Lai năm 2025 và nhiệm vụ năm 2026 của Sở Y tế tỉnh Gia Lai.

II. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Đặc điểm địa bàn sau sáp nhập

Tỉnh Gia Lai mới được thành lập từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 trên cơ sở sáp nhập tỉnh Bình Định và tỉnh Gia Lai (cũ), có vị trí chiến lược trải dài từ vùng duyên hải Nam Trung Bộ đến cao nguyên Bắc Tây Nguyên; phía Đông giáp Biển Đông, có cảng biển nước sâu Quy Nhơn và Khu kinh tế Nhơn Hội; phía Tây giáp Vương quốc Campuchia qua cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh. Toàn tỉnh có diện tích trên 21.576,53 km², dân số trên 3,5 triệu người, với 135 xã, phường trực thuộc quản lý cấp tỉnh. Đặc điểm địa lý rộng, đa dạng địa hình, có cả khu vực đô thị, ven biển, miền núi, biên giới và vùng đồng bào dân tộc thiểu số đặt ra yêu cầu bảo đảm cung ứng thuốc đồng đều, kịp thời, an toàn và phù hợp với từng vùng.

2. Thực trạng ngành Dược trên địa bàn tỉnh

- Lĩnh vực sản xuất thuốc có 03 doanh nghiệp đạt GMP-WHO, gồm Công ty CP Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar), Công ty CP Kỹ thuật Dược Bình Định và Công ty CP Fresenius Kabi Việt Nam; các doanh nghiệp duy trì sản xuất, nghiên cứu phát triển sản phẩm, chuyển giao công nghệ và phát triển thuốc từ dược liệu.

- Lĩnh vực kinh doanh thuốc có 35 cơ sở bán buôn thuốc, trong đó có 24 công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, doanh nghiệp tư nhân và 11 chi nhánh của các công ty, doanh nghiệp. Hệ thống bán lẻ thuốc có 802 nhà thuốc và 1.461 quầy thuốc, tổng cộng 2.263 cơ sở bán lẻ thuốc. Hệ thống cung ứng thuốc trong cơ sở khám bệnh, chữa bệnh gồm 12 khoa dược bệnh viện, trạm chuyên khoa tuyến tỉnh, 28 khoa dược bệnh viện tuyến huyện và 07 khoa dược bệnh viện tư nhân.

- Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh duy trì hệ thống quản lý chất lượng phòng thử nghiệm theo ISO/IEC 17025 và đạt Thực hành tốt phòng kiểm nghiệm thuốc (GLP).

- Hệ thống kho bảo quản thuốc được hình thành tại các cơ sở bán buôn thuốc, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và các đơn vị có liên quan; trong đó có 01 cơ sở đạt tiêu chuẩn GSP không bao gồm khoa dược bệnh viện và 22 khoa dược bệnh viện đạt tiêu chuẩn GSP, góp phần bảo đảm chất lượng thuốc trong quá trình bảo quản, phân phối và sử dụng.

- Nhân lực dược trên địa bàn tỉnh hiện có 2 tiến sĩ dược/dược sĩ chuyên khoa II, 145 thạc sĩ dược/dược sĩ chuyên khoa I, 821 dược sĩ đại học, 1.465 dược sĩ cao đẳng, trung học và kỹ thuật viên trung học dược, 58 dược tá; bình quân đạt 2,29 dược sĩ đại học/1 vạn dân.

- Phát triển dược liệu có nền tảng từ cả hai địa bàn trước sáp nhập: có 02 cơ sở sản xuất, chế biến dược liệu đạt GMP; Bidiphar được cấp chứng nhận GACP-WHO đối với 08 loại dược liệu, phát triển chuỗi liên kết vùng trồng tại An Vinh, An Toàn và các vùng có tiềm năng khác.

- Tỷ lệ sử dụng thuốc sản xuất trong nước tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập đạt khoảng 60%, chưa đạt mục tiêu 65%, cần tiếp tục rà soát danh mục thuốc, tăng cường truyền thông và triển khai cuộc vận động Người Việt Nam ưu tiên dùng thuốc Việt Nam.

(Thông tin chi tiết tại Phụ lục I kèm theo Kế hoạch)

3. Thuận lợi

- Tỉnh sau sáp nhập có quy mô dân số, thị trường và hạ tầng giao thông lớn hơn, có cả cảng biển, cửa khẩu quốc tế, sân bay, khu kinh tế và các vùng dược liệu đa dạng, thuận lợi cho phát triển sản xuất, phân phối, logistics dược và dược liệu.

- Có các doanh nghiệp sản xuất thuốc đạt GMP-WHO, doanh nghiệp dược liệu, hệ thống bán buôn - bán lẻ rộng khắp và cơ sở kiểm nghiệm đạt GLP, tạo nền tảng quan trọng để triển khai Chiến lược.

- Các kế hoạch của tỉnh Gia Lai (cũ) và Bình Định đã ban hành trước đây tạo cơ sở kế thừa, thống nhất nhiệm vụ, chỉ tiêu, đầu mối phối hợp sau sáp nhập.

4. Khó khăn, hạn chế

- Địa bàn rộng, dân cư phân bố không đồng đều, có vùng miền núi, biên giới, vùng sâu, vùng xa; việc bảo đảm cung ứng thuốc, kiểm tra hậu mại và hỗ trợ cơ sở bán lẻ ở vùng khó khăn cần nhiều nguồn lực.

- Hoạt động nghiên cứu phát triển thuốc công nghệ cao, chuyển giao công nghệ thuốc phát minh còn phụ thuộc vào nguồn lực lớn, đối tác và tập đoàn nước ngoài; năng lực tiếp nhận công nghệ cần tiếp tục được củng cố.

- Nhân lực dược lâm sàng còn thiếu và chưa đồng đều giữa các tuyến; cần đào tạo liên tục và bố trí vị trí việc làm phù hợp để đạt chỉ tiêu giai đoạn 2026 - 2030.

- Tỷ lệ sử dụng thuốc sản xuất trong nước còn dưới mục tiêu; một số thuốc chuyên khoa sâu, thuốc công nghệ cao trong nước chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu điều trị.

- Cơ sở dữ liệu dược đã kết nối nhưng cần tiếp tục nâng cao chất lượng dữ liệu, chuẩn hóa thông tin, tăng cường giám sát, khai thác dữ liệu phục vụ quản lý nhà nước.

III. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Chiến lược quốc gia phát triển ngành Dược Việt Nam giai đoạn đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Gia Lai, phù hợp điều kiện thực tế năm 2026, giai đoạn đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045.

- Bảo đảm cung ứng đủ thuốc có chất lượng, an toàn, hiệu quả, giá hợp lý; nâng cao năng lực quản lý nhà nước, kiểm nghiệm, dược lâm sàng, phát triển công nghiệp dược, dược liệu và chuyển đổi số ngành dược.

- Phát huy lợi thế của tỉnh Gia Lai về công nghiệp dược, dược liệu, logistics, cảng biển, cửa khẩu và hệ thống y tế, góp phần bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

2. Yêu cầu

- Bám sát Quyết định số 1165/QĐ-TTg, Quyết định số 388/QĐ-BYT và yêu cầu quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh.

- Xác định rõ nhiệm vụ, đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp, sản phẩm đầu ra, thời hạn hoàn thành và cơ chế theo dõi, báo cáo.

- Lồng ghép với các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, y tế, khoa học công nghệ, nông nghiệp, chuyển đổi số, phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của tỉnh.

- Huy động sự tham gia của các sở, ban, ngành, địa phương, cơ sở y tế, doanh nghiệp dược, cơ sở kinh doanh dược, Hội Dược học và cộng đồng.

IV. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Phát triển ngành Dược tỉnh Gia Lai theo hướng bền vững, hiện đại, chuyên nghiệp; bảo đảm an ninh thuốc và khả năng tiếp cận thuốc của người dân; nâng cao chất lượng quản lý, kiểm nghiệm, cung ứng và sử dụng thuốc; phát triển công nghiệp dược, dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền; thúc đẩy nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, chuyên gia công nghệ, chuyển đổi số, góp phần đưa ngành Dược của tỉnh trở thành một lĩnh vực có đóng góp quan trọng cho chăm sóc sức khỏe nhân dân và phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

2. Mục tiêu năm 2026

- Ban hành và triển khai thống nhất Kế hoạch phát triển ngành Dược giai đoạn đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Gia Lai; kiện toàn cơ chế chỉ đạo, phối hợp, theo dõi, đôn đốc và báo cáo sau sáp nhập.

- Bảo đảm cung ứng đủ thuốc có chất lượng, an toàn, hiệu quả, giá hợp lý cho nhu cầu phòng bệnh, chữa bệnh, phòng chống dịch bệnh, thiên tai, thảm họa, sự cố y tế công cộng và các nhu cầu cấp bách khác.

- Duy trì 100% cơ sở bán buôn, bán lẻ thuốc đang hoạt động đáp ứng điều kiện thực hành tốt theo quy định; tăng cường kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật về dược, mỹ phẩm, thực phẩm bảo vệ sức khỏe và sản phẩm liên quan.

- Duy trì, cải tiến hệ thống quản lý chất lượng của Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm theo ISO/IEC 17025 và GLP; triển khai kế hoạch lấy mẫu, kiểm nghiệm, giám sát chất lượng thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm năm 2026.

- Triển khai Kế hoạch hoạt động dược lâm sàng tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh năm 2026 và giai đoạn 2026 - 2030; tăng cường đào tạo, tư vấn sử dụng thuốc, theo dõi ADR, thông tin thuốc và giám sát kê đơn.

- Phân đầu tỷ lệ sử dụng thuốc sản xuất trong nước tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập đạt tối thiểu 65% theo định hướng Chiến lược; tiếp tục triển khai cuộc vận động Người Việt Nam ưu tiên dùng thuốc Việt Nam.

- Duy trì 100% cơ sở bán buôn, bán lẻ thuốc kết nối liên thông với Hệ thống cơ sở dữ liệu Dược Quốc gia; thường xuyên rà soát, chuẩn hóa dữ liệu và khai thác dữ liệu phục vụ quản lý.

- Hỗ trợ doanh nghiệp triển khai nghiên cứu, cải tiến chất lượng, chuyển giao công nghệ, phát triển thuốc từ dược liệu; xây dựng và mở rộng vùng trồng dược liệu theo tiêu chuẩn GACP-WHO, hữu cơ hoặc tiêu chuẩn phù hợp.

3. Mục tiêu giai đoạn 2026 - 2030

- Phân đầu bảo đảm đầy đủ, kịp thời thuốc thiết yếu, thuốc phục vụ cấp cứu, phòng chống dịch bệnh, thiên tai, thảm họa và nhu cầu điều trị thường xuyên của nhân dân; hạn chế tối đa tình trạng thiếu thuốc, gián đoạn cung ứng thuốc tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

- Duy trì bền vững 100% cơ sở kinh doanh thuốc đáp ứng tiêu chuẩn thực hành tốt; 100% cơ sở bán buôn, bán lẻ thuốc kết nối, duy trì dữ liệu đầy đủ, kịp thời với Hệ thống cơ sở dữ liệu Dược Quốc gia.

- Duy trì và nâng cao năng lực kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm; mở rộng phạm vi kiểm nghiệm phù hợp yêu cầu quản lý, từng bước đầu tư trang thiết bị, đào tạo nhân lực và hội nhập chuẩn mực kiểm nghiệm.

- 100% cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có hoạt động sử dụng thuốc có tổ chức và triển khai hoạt động dược lâm sàng phù hợp quy mô, tuyến chuyên môn; phân đầu đạt tỷ lệ người làm công tác dược lâm sàng theo lộ trình của Chiến lược.

- Phân đầu duy trì tỷ lệ sử dụng thuốc sản xuất trong nước tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập đạt từ 65% trở lên, ưu tiên thuốc sản xuất trong nước có chất lượng, giá hợp lý, thuốc chuyển giao công nghệ, thuốc từ dược liệu.

- Hỗ trợ doanh nghiệp dược trên địa bàn triển khai đề tài nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, gia công, sản xuất thuốc có dạng bào chế hiện đại, thuốc generic, thuốc từ dược liệu, từng bước tiếp cận tiêu chuẩn EU-GMP, PIC/S-GMP hoặc tương đương khi đủ điều kiện.

- Phát triển, mở rộng diện tích gây trồng, phát triển cây dược liệu, ưu tiên những loài quý hiếm, có giá trị kinh tế cao tại các xã, vùng có điều kiện tự nhiên, tài nguyên đất đai; hoàn thiện hướng dẫn kỹ thuật về trồng, chăm sóc, khai thác, tiêu thụ cây dược liệu bền vững trong môi trường rừng.

- Phân đầu đạt tỷ lệ 4,0 dược sĩ/1 vạn dân; trong đó phân đầu dược sĩ được đào tạo chuyên ngành dược lâm sàng đạt tối thiểu 20% trong số dược sĩ làm công tác sử dụng thuốc, theo điều kiện thực tế của tỉnh.

- Hoàn thiện nền tảng chuyển đổi số ngành dược tại địa phương; ứng dụng dữ liệu lớn, truy xuất nguồn gốc, mã số mã vạch, dịch vụ công trực tuyến và các công nghệ số phù hợp trong quản lý dược, mỹ phẩm, dược liệu.

4. Lộ trình thực hiện

a) **Năm 2026:** Tập trung ban hành, phổ biến và triển khai Kế hoạch; rà soát, chuẩn hóa số liệu hiện trạng ngành Dược sau sáp nhập; kiện toàn cơ chế phối hợp; bảo đảm cung ứng thuốc thiết yếu; duy trì kết nối cơ sở dữ liệu dược quốc gia; triển khai kế hoạch kiểm tra, giám sát chất lượng thuốc, hoạt động dược lâm sàng và sử dụng thuốc sản xuất trong nước.

b) **Giai đoạn 2027 - 2028:** Tập trung nâng cao năng lực kiểm nghiệm, dược lâm sàng, chuyển đổi số, quản lý chất lượng thuốc, phát triển vùng trồng dược liệu, chuỗi liên kết dược liệu và tăng tỷ lệ sử dụng thuốc sản xuất trong nước.

c) **Giai đoạn 2029 - 2030:** Tập trung hoàn thành các chỉ tiêu chủ yếu của Chiến lược; đánh giá kết quả thực hiện; tổng kết giai đoạn đến năm 2030 và đề xuất nhiệm vụ, giải pháp định hướng đến năm 2045.

V. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

- Thành lập Ban Chỉ đạo hoặc cơ chế phối hợp triển khai Chiến lược phát triển ngành Dược tỉnh Gia Lai; phân công rõ trách nhiệm giữa các sở, ngành, địa phương và đơn vị liên quan.

- Tổ chức phổ biến Kế hoạch đến các sở, ban, ngành, địa phương, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, cơ sở kinh doanh dược, doanh nghiệp sản xuất thuốc, doanh nghiệp dược liệu và Hội Dược học tỉnh.

- Thiết lập chế độ theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, sơ kết hằng năm; tổ chức sơ kết giai đoạn vào năm 2028 và tổng kết giai đoạn vào tháng 12 năm 2030.

- Hằng năm, các đơn vị được giao nhiệm vụ gửi báo cáo kết quả về Sở Y tế trước ngày 05 tháng 01; Sở Y tế tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Bộ Y tế, Cục Quản lý Dược trước ngày 15 tháng 01 hoặc theo yêu cầu của cơ quan cấp trên.

2. Bảo đảm cung ứng thuốc và phát triển hệ thống phân phối

- Rà soát hệ thống cung ứng thuốc trên toàn tỉnh, ưu tiên bảo đảm thuốc thiết yếu, thuốc cấp cứu, thuốc phòng chống dịch, thuốc phục vụ vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, khu vực biên giới, ven biển và hải đảo nếu phát sinh nhu cầu.

- Tăng cường dự báo nhu cầu thuốc, điều phối cung ứng, giám sát tình trạng thiếu thuốc, thuốc gián đoạn cung ứng; hướng dẫn cơ sở khám bệnh, chữa bệnh chủ động xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu, mua sắm thuốc theo đúng quy định.

- Khuyến khích cơ sở phân phối thuốc đầu tư kho bảo quản, phương tiện vận chuyển, logistics đạt tiêu chuẩn kỹ thuật, bảo đảm chất lượng thuốc trong suốt chuỗi cung ứng.

- Tăng cường phối hợp với các doanh nghiệp sản xuất, bán buôn, bán lẻ để bảo đảm nguồn cung thuốc trong tình huống dịch bệnh, thiên tai, bão lũ, sự cố y tế công cộng.

3. Nâng cao năng lực quản lý nhà nước, thanh tra, kiểm tra, kiểm nghiệm

- Ban hành và triển khai kế hoạch thanh tra, kiểm tra, giám sát chất lượng thuốc, nguyên liệu làm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm bảo vệ sức khỏe và sản phẩm liên quan hằng năm; tăng cường kiểm tra đột xuất khi có dấu hiệu vi phạm.

- Phối hợp Công an tỉnh, Sở Công Thương, Chi cục Quản lý thị trường, Hải quan, cơ quan thuế, chính quyền địa phương trong phòng chống thuốc giả, thuốc không rõ nguồn gốc, thuốc kém chất lượng, buôn lậu dược liệu và kinh doanh thuốc trên môi trường mạng.

- Duy trì và nâng cao năng lực Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm; tiếp tục cải tiến ISO/IEC 17025, GLP, đánh giá nội bộ định kỳ, đầu tư trang thiết bị, hóa chất, chất chuẩn và đào tạo nhân lực kiểm nghiệm.

- Tăng cường lấy mẫu, kiểm tra chất lượng thuốc, dược liệu, mỹ phẩm lưu hành trên thị trường; chú trọng thuốc có nguy cơ cao, thuốc sử dụng rộng rãi, thuốc đấu thầu tại cơ sở y tế, thuốc từ dược liệu, dược liệu nhập khẩu và sản phẩm mua bán trực tuyến.

4. Đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao công nghệ và phát triển công nghiệp dược

- Hỗ trợ các doanh nghiệp sản xuất thuốc đạt GMP-WHO trên địa bàn duy trì sản xuất ổn định, cải tiến quy trình, nâng cao năng lực nghiên cứu phát triển, đăng ký lưu hành, mở rộng thị trường và tham gia chuỗi cung ứng dược phẩm.

- Phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ hướng dẫn doanh nghiệp xây dựng đề tài, dự án khoa học công nghệ cấp tỉnh, cấp Bộ, cấp quốc gia về công nghiệp dược, công nghiệp hóa dược, công nghệ bào chế hiện đại, thuốc generic, thuốc từ dược liệu, thử nghiệm lâm sàng và tương đương sinh học khi đủ điều kiện.

- Kết nối doanh nghiệp với đối tác trong và ngoài nước để chuyển giao công nghệ, gia công, sản xuất thuốc Việt Nam chưa sản xuất được, thuốc chuyên khoa, thuốc có dạng bào chế công nghệ cao, thuốc từ dược liệu đặc hữu.

5. Tăng cường dược lâm sàng, cảnh giác dược và sử dụng thuốc hợp lý

- Triển khai có hiệu quả kế hoạch hoạt động dược lâm sàng năm 2026 và giai đoạn 2026 - 2030 tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn về dược lâm sàng, thông tin thuốc, cảnh giác dược, quản lý sử dụng kháng sinh, an toàn thuốc, kê đơn hợp lý cho dược sĩ, bác sĩ, điều dưỡng và nhân viên y tế liên quan.

- Củng cố Hội đồng Thuốc và Điều trị; nâng cao chất lượng xây dựng danh mục thuốc, giám sát kê đơn, bình đơn thuốc, phân tích sử dụng thuốc, quản lý thuốc

có nguy cơ cao, thuốc kháng sinh, thuốc gây nghiện, hương thần, tiền chất và thuốc chuyên khoa.

- Tăng cường báo cáo, phân tích, phản hồi phản ứng có hại của thuốc (ADR); phối hợp Trung tâm quốc gia về thông tin thuốc và theo dõi phản ứng có hại của thuốc trong các hoạt động cảnh giác dược.

- Đẩy mạnh truyền thông, tư vấn cho người bệnh và cộng đồng về sử dụng thuốc an toàn, hợp lý, không tự ý dùng kháng sinh, mua thuốc đúng cơ sở hợp pháp và tuân thủ hướng dẫn của cán bộ y tế.

6. Phát triển dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền

- Rà soát, tích hợp các kế hoạch phát triển dược liệu của tỉnh Gia Lai, cập nhật danh mục cây dược liệu có giá trị y tế, kinh tế cao phù hợp điều kiện sinh thái từng vùng.

- Phối hợp Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Khoa học và Công nghệ, UBND cấp xã và doanh nghiệp xây dựng vùng trồng, khai thác, bảo tồn nguồn gen dược liệu; hỗ trợ áp dụng GACP-WHO, hữu cơ hoặc tiêu chuẩn phù hợp trong trồng, thu hái, bảo quản, sơ chế.

- Thúc đẩy chuỗi liên kết giữa nông dân, hợp tác xã, doanh nghiệp, nhà khoa học và chính quyền trong cung ứng giống, chuyển giao kỹ thuật, thu mua, chế biến, tiêu chuẩn hóa nguyên liệu dược liệu và phát triển sản phẩm.

- Hỗ trợ khuyến khích đầu tư phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, các sản phẩm từ cây dược liệu bản địa và bài thuốc dân gian có cơ sở khoa học theo đúng quy định về đất đai, lâm nghiệp, đa dạng sinh học và pháp luật khác có liên quan đối với các địa phương có tiềm năng phát triển cây dược liệu trên đất nông nghiệp và dưới tán rừng như: Chư Sê, Cửu An, Kbang, Đak Rong, An Lão, An Vinh, An Toàn.

- Tăng cường quản lý chất lượng dược liệu, truy xuất nguồn gốc, phòng chống khai thác tận diệt, buôn lậu, vận chuyển trái phép dược liệu qua biên giới; bảo tồn dược liệu quý, hiếm, đặc hữu.

7. Đẩy mạnh sử dụng thuốc sản xuất trong nước

- Chỉ đạo các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh ưu tiên sử dụng thuốc sản xuất trong nước có chất lượng, hiệu quả, giá hợp lý, phù hợp phác đồ điều trị và quy định đấu thầu, mua sắm thuốc.

- Rà soát danh mục thuốc sử dụng tại các cơ sở y tế công lập; phân tích nguyên nhân chưa đạt tỷ lệ 65%, xây dựng lộ trình tăng tỷ lệ thuốc sản xuất trong nước, nhất là thuốc generic đạt chất lượng, thuốc chuyển giao công nghệ, thuốc từ dược liệu.

- Tiếp tục triển khai hiệu quả cuộc vận động Người Việt Nam ưu tiên dùng thuốc Việt Nam; phối hợp Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Sở Công Thương, cơ sở y tế, doanh nghiệp dược và cơ quan truyền thông.

- Truyền thông về chất lượng, an toàn, hiệu quả, giá hợp lý của thuốc sản xuất trong nước; quảng bá sản phẩm thuốc, dược liệu, thuốc từ dược liệu có nguồn gốc rõ ràng, đạt tiêu chuẩn.

8. Chuyển đổi số để hiện đại hóa ngành dược

- Duy trì 100% cơ sở bán buôn, bán lẻ thuốc kết nối liên thông Hệ thống cơ sở dữ liệu Dược Quốc gia; kiểm tra định kỳ việc cập nhật dữ liệu, tính đầy đủ, chính xác, liên tục của dữ liệu.

- Chuẩn hóa cơ sở dữ liệu về cơ sở kinh doanh dược, chứng chỉ hành nghề, giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược, giấy chứng nhận GPs, danh mục thuốc, thông tin thuốc, giá thuốc và dữ liệu kiểm nghiệm.

- Thực hiện dịch vụ công trực tuyến trong lĩnh vực dược theo lộ trình của Bộ Y tế và UBND tỉnh; rút ngắn thời gian xử lý, bảo đảm công khai, minh bạch.

- Từng bước ứng dụng công nghệ số, mã số mã vạch, truy xuất nguồn gốc, phân tích dữ liệu, cảnh báo rủi ro và công nghệ trí tuệ nhân tạo khi có hướng dẫn, nền tảng phù hợp từ Bộ Y tế.

- Bảo đảm an toàn thông tin, bảo mật dữ liệu, phân quyền khai thác, sử dụng dữ liệu đúng quy định.

9. Thông tin, truyền thông và đào tạo

- Tăng cường truyền thông chính sách pháp luật về dược, thực hành tốt GPs, kê đơn thuốc, bán thuốc theo đơn, sử dụng thuốc an toàn, hợp lý, cảnh giác dược, phòng chống thuốc giả, thuốc kém chất lượng.

- Tổ chức hội nghị, hội thảo, tập huấn chuyên môn cho cơ sở kinh doanh dược, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, doanh nghiệp dược, hợp tác xã và người trồng dược liệu.

- Tăng cường vai trò Hội Dược học tỉnh trong tư vấn chuyên môn, đào tạo liên tục, kết nối chuyên gia, truyền thông sử dụng thuốc hợp lý và phát triển nghề nghiệp dược.

10. Huy động nguồn lực thực hiện

- Bố trí kinh phí từ ngân sách địa phương theo phân cấp và khả năng cân đối hằng năm; lồng ghép với chương trình mục tiêu, kế hoạch phát triển y tế, khoa học công nghệ, nông nghiệp, chuyển đổi số và phát triển kinh tế - xã hội.

- Huy động nguồn lực xã hội hóa, hợp tác công - tư, doanh nghiệp, viện, trường, tổ chức quốc tế, dự án viện trợ, quỹ khoa học công nghệ và các nguồn hợp pháp khác để triển khai nhiệm vụ.

- Ưu tiên nguồn lực cho kiểm nghiệm, đào tạo dược lâm sàng, chuyển đổi số, phát triển dược liệu, nghiên cứu phát triển sản phẩm và hỗ trợ vùng khó khăn.

(Bảng phân công nhiệm vụ chi tiết tại Phụ lục II kèm theo Kế hoạch này).

VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Nguồn ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán hằng năm của các sở, ngành, địa phương theo phân cấp ngân sách và khả năng cân đối.

- Nguồn kinh phí lồng ghép trong các chương trình, kế hoạch, dự án liên quan đến y tế, khoa học công nghệ, nông nghiệp, chuyển đổi số, phát triển kinh tế - xã hội, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Nguồn xã hội hóa, đóng góp của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, hợp tác công - tư, tài trợ, viện trợ và các nguồn hợp pháp khác theo quy định.

- Việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế

- Là cơ quan thường trực, chủ trì tham mưu UBND tỉnh triển khai Kế hoạch; hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, tổng hợp kết quả thực hiện của các sở, ngành, địa phương, đơn vị.

- Chủ trì triển khai các nhiệm vụ quản lý nhà nước về dược, kiểm nghiệm, dược lâm sàng, sử dụng thuốc trong nước, chuyển đổi số ngành dược.

- Tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Bộ Y tế, Cục Quản lý Dược trước ngày 15 tháng 01 hằng năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu.

2. Sở Tài chính

- Phối hợp Sở Y tế và các đơn vị liên quan tham mưu bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch theo khả năng cân đối ngân sách và quy định hiện hành.

- Hướng dẫn các đơn vị lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí đúng quy định.

3. Sở Khoa học và Công nghệ

- Hỗ trợ doanh nghiệp, cơ sở nghiên cứu xây dựng nhiệm vụ khoa học công nghệ trong lĩnh vực dược, dược liệu, công nghệ bào chế, chuyển giao công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Kết nối doanh nghiệp với các chương trình, quỹ, đối tác khoa học công nghệ trong và ngoài nước; hướng dẫn bảo hộ sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng sản phẩm dược, dược liệu.

4. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp Sở Y tế và các địa phương quy hoạch, phát triển vùng trồng dược liệu; hướng dẫn kỹ thuật trồng, thu hái, bảo quản, sơ chế; hỗ trợ liên kết chuỗi giá trị dược liệu.

- Hướng dẫn triển khai các chương trình, dự án về bảo tồn, phát triển cây dược liệu, nhất là loài dược liệu quý hiếm phù hợp với điều kiện sinh thái từng vùng, phân

bổ tự nhiên của các loài cây dược liệu nhằm tạo việc làm, nâng cao thu nhập, ổn định đời sống của người dân, đặc biệt là đồng bào các dân tộc thiểu số và người dân sống ở khu vực có rừng.

5. Sở Công Thương

- Phối hợp với Sở Y tế và các cơ quan, đơn vị liên quan trong công tác kiểm tra, kiểm soát hoạt động lưu thông, kinh doanh thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm bảo vệ sức khỏe và sản phẩm liên quan trên thị trường theo chức năng, nhiệm vụ được giao; phối hợp phát hiện, ngăn chặn, xử lý hoặc kiến nghị xử lý các hành vi kinh doanh hàng giả, hàng không rõ nguồn gốc, xuất xứ, hàng kém chất lượng, hàng nhập lậu, hàng vi phạm về nhãn hàng hóa, quảng cáo, thương mại điện tử và các hành vi xâm phạm quyền lợi người tiêu dùng.

- Phối hợp hỗ trợ hoạt động xúc tiến thương mại, kết nối cung cầu, tiêu thụ đối với dược liệu, sản phẩm từ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền và các sản phẩm hợp pháp của tỉnh theo quy định của pháp luật.

- Phối hợp triển khai Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng thuốc Việt Nam”; lồng ghép tuyên truyền, quảng bá sản phẩm hợp pháp, có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, bảo đảm chất lượng và phù hợp quy định chuyên ngành.

6. Công an tỉnh, Chi cục Quản lý thị trường, Hải quan và các cơ quan liên quan

- Phối hợp thanh tra, kiểm tra, đấu tranh phòng chống thuốc giả, thuốc không rõ nguồn gốc, thuốc kém chất lượng, buôn lậu dược liệu, kinh doanh trái phép trên môi trường mạng và các hành vi vi phạm pháp luật về dược.

- Trao đổi thông tin, xử lý kịp thời các vụ việc có nguy cơ ảnh hưởng sức khỏe cộng đồng, an ninh thuốc và trật tự thị trường dược.

7. Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh

- Bảo đảm cung ứng đủ thuốc phục vụ điều trị; xây dựng kế hoạch mua sắm thuốc theo quy định; ưu tiên sử dụng thuốc sản xuất trong nước có chất lượng và giá hợp lý.

- Triển khai hoạt động dược lâm sàng, thông tin thuốc, cảnh giác dược, giám sát sử dụng thuốc, báo cáo ADR và đào tạo liên tục cho cán bộ y tế trong lĩnh vực dược.

8. Các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh dược và dược liệu

- Tuân thủ pháp luật về dược, thực hành tốt GPs, quy định về chất lượng, giá, quảng cáo, thông tin thuốc, truy xuất nguồn gốc và kết nối dữ liệu.

- Chủ động đầu tư nghiên cứu phát triển, cải tiến chất lượng, chuyển giao công nghệ, phát triển thuốc sản xuất trong nước, thuốc từ dược liệu và vùng nguyên liệu đạt chuẩn.

- Phối hợp trong công tác truyền thông, đào tạo, báo cáo, cung ứng thuốc và bảo đảm thuốc trong tình huống cấp bách.

9. UBND các xã, phường

- Phối hợp Sở Y tế và các cơ quan liên quan quản lý cơ sở kinh doanh dược trên địa bàn; tuyên truyền người dân mua thuốc tại cơ sở hợp pháp, sử dụng thuốc an toàn, hợp lý.

- Hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu, hợp tác xã, chuỗi liên kết dược liệu phù hợp điều kiện địa phương.

10. Hội Dược học tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các đoàn thể

- Phối hợp tuyên truyền, vận động, đào tạo, tư vấn chuyên môn về sử dụng thuốc an toàn, hợp lý; triển khai cuộc vận động Người Việt Nam ưu tiên dùng thuốc Việt Nam.

- Tham gia phản biện, góp ý chính sách, kết nối chuyên gia, hỗ trợ phát triển nghề nghiệp dược trên địa bàn tỉnh.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia phát triển ngành Dược Việt Nam giai đoạn đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, doanh nghiệp dược, cơ sở kinh doanh dược và các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ nhiệm vụ được giao tổ chức triển khai thực hiện; trong quá trình thực hiện nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, kịp thời phản ánh về Sở Y tế để tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Bộ Y tế;
- Cục Quản lý Dược - Bộ Y tế;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Các đơn vị trực thuộc Sở Y tế;
- Các cơ sở sản xuất, kinh doanh dược, dược liệu;
- Hội Dược học tỉnh;
- CVP, đ/c Hoài - PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, V1, V4, V6.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Thanh Lịch

Phụ lục I:
Thông tin về hệ thống cung ứng thuốc, nhân lực dược tại tỉnh
(Kèm theo Kế hoạch số/KH-UBND ngày tháng năm 2026
của UBND tỉnh Gia Lai)

Số TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng
I	HỆ THỐNG CUNG ỨNG THUỐC		
1	Số cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc	Cơ sở	35
2	Tổng số cơ sở bán lẻ	Cơ sở	2.263
2.1	Số nhà thuốc	Nhà thuốc	802
2.2	Số quầy thuốc	Quầy thuốc	1.461
2.3	Số cơ sở bán lẻ thuốc trên mười nghìn dân	Cơ sở	6,28
II	NHÂN LỰC DƯỢC		
1	Tiến sĩ Dược/ Dược sĩ Chuyên khoa II	Người	2
2	Thạc sĩ Dược/ Dược sĩ Chuyên khoa I	Người	145
3	Dược sĩ đại học	Người	821
4	Dược sĩ cao đẳng, trung học và kỹ thuật viên trung học Dược	Người	1.465
5	Dược tá	Người	58
6	Số dược sĩ Đại học cho 1 vạn dân (10.000 dân)	Người	2,29

PHỤ LỤC II:

Phân công nhiệm vụ triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia phát triển ngành Dược Việt Nam giai đoạn đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045 theo Quyết định số 1165/QĐ-TTg ngày 09/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Gia Lai

(Kèm theo Kế hoạch số/KH-UBND ngày tháng năm 2026 của UBND tỉnh Gia Lai)

Số TT	STT tham chiếu QĐ 388/QĐ-BYT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Dự kiến sản phẩm đạt được	Thời gian hoàn thành
1	1	Công tác chỉ đạo, điều hành				
1.1	1.1	Tổ chức Hội nghị triển khai Kế hoạch thực hiện Chiến lược	Sở Y tế	Các đơn vị có liên quan.	Sản phẩm: Hội nghị triển khai Chiến lược.	Quý 3 năm 2026
1.2	1.2	Thành lập Ban chỉ đạo triển khai thực hiện Chiến lược	Sở Y tế	Các đơn vị có liên quan.	Sản phẩm: Quyết định của Sở Y tế, Quy chế làm việc của Ban chỉ đạo.	Quý 3 năm 2026
1.3	1.3	Báo cáo hàng năm về kết quả thực hiện Chiến lược của các Sở, ngành, địa phương	Sở Y tế	Các đơn vị liên quan.	Sản phẩm: Báo cáo của Sở Y tế gửi UBND tỉnh, Bộ Y tế về tổng hợp kết quả thực hiện Chiến lược hàng năm.	Hàng năm
1.4	1.4	Tổ chức sơ kết đánh giá tiến độ, kết quả thực hiện Chiến lược	Sở Y tế	Các đơn vị liên quan.	Sản phẩm: Hội nghị hoặc báo cáo sơ kết, tổng kết theo từng giai đoạn.	Tháng 12/2028; Tháng 12/2030
2	2	Nâng cao năng lực quản lý, kiểm soát thị trường thuốc, nguyên liệu làm thuốc				
2.1	3.2	Kế hoạch kiểm tra, giám sát chất lượng thuốc lưu hành trên thị trường	Sở Y tế	Chi Cục Quản lý thị trường, Chi Cục Hải Quan Khu vực XIV, Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm.	Sản phẩm: Kế hoạch được Sở Y tế phê duyệt.	Hàng năm

Số TT	STT tham chiếu QĐ 388/QĐ-BYT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Dự kiến sản phẩm đạt được	Thời gian hoàn thành
2.2	3.4	Xây dựng, triển khai Dự án đầu tư tăng cường năng lực của Hệ thống kiểm nghiệm thuốc	Sở Y tế	Sở Tài chính, Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm và các đơn vị có liên quan.	Sản phẩm: Triển khai thực hiện theo Dự án được Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt.	Đúng theo tiến độ của Bộ Y tế
3	4	Công tác xây dựng, triển khai các dự án, đề tài nghiên cứu khoa học, đào tạo				
3.1	4.1	Kế hoạch đào tạo chuyên sâu nguồn nhân lực được chất lượng cao trong lĩnh vực lâm sàng, nghiên cứu, sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc.	Các doanh nghiệp sản xuất thuốc trên địa bàn tỉnh	Các đơn vị có liên quan.	Sản phẩm: Đào tạo, bồi dưỡng dược sĩ đại học theo các chuyên ngành chuyên sâu; phân đấu có nhân lực được đào tạo trình độ chuyên khoa I, chuyên khoa II, thạc sĩ, tiến sĩ chuyên ngành dược.	Hàng năm
3.2	4.2	Đề tài nghiên cứu, dự án ứng dụng công nghệ bảo chế thuốc tiên tiến, hiện đại.	Công ty CP Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar) và các doanh nghiệp dược	Các Sở ngành liên quan.	Sản phẩm: Năm (05) đề tài, dự án được phê duyệt và triển khai.	Năm 2030
3.3	4.3	Kế hoạch chuyển giao công nghệ, sản xuất gia công thuốc phát minh còn bản quyền, vắc xin, sinh phẩm y tế và thuốc Việt Nam chưa sản xuất được, ưu tiên phát triển thuốc phát minh từ dược liệu đặc hữu.	Công ty CP Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar) và các doanh nghiệp dược.	Các Sở, ngành liên quan.	Sản phẩm: Chuyển giao công nghệ ít nhất 03 thuốc phát minh còn bản quyền hoặc thuốc Việt Nam chưa sản xuất được hoặc vắc xin/sinh phẩm y tế/kit test, ưu tiên phát triển thuốc từ dược liệu đặc hữu.	Năm 2030

Số TT	STT tham chiếu QĐ 388/QĐ-BYT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Dự kiến sản phẩm đạt được	Thời gian hoàn thành
3.4	4.4	Theo dõi nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh, hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước về phát triển công nghiệp dược.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các doanh nghiệp sản xuất thuốc và các Sở, ngành liên quan.	Sản phẩm: Ít nhất 01 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh được ký hợp đồng triển khai thực hiện.	Năm 2030
3.5	4.5	Quản lý việc chuyển giao, ứng dụng công nghệ bào chế sản phẩm thuốc công nghệ cao	Sở Khoa học và Công nghệ	Các doanh nghiệp sản xuất thuốc và các Sở, ngành liên quan.	Sản phẩm: Các đề tài, dự án được phê duyệt, triển khai. Ít nhất 01 thuốc công nghệ cao được chuyển giao, cấp phép lưu hành.	Năm 2030
4	5	Hoạt động được lâm sàng, sử dụng thuốc an toàn, hợp lý, hiệu quả				
4.1	5.1	Tham gia góp ý xây dựng tài liệu hướng dẫn thực hành tốt kê đơn thuốc khi được Bộ Y tế ban hành và triển khai thực hiện.	Sở Y tế	Các cơ sở điều trị, các đơn vị liên quan.	Sản phẩm: Tài liệu chuyên môn được Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành.	Đúng theo tiến độ của Bộ Y tế
4.2	5.2	Tăng cường việc triển khai thực hiện các quy định về thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc và tham gia góp ý xây dựng các văn bản hướng dẫn liên quan	Sở Y tế	Các đơn vị liên quan.	Sản phẩm: Báo cáo kết quả triển khai GPP; biên bản kiểm tra, đánh giá nhà thuốc; văn bản góp ý xây dựng các quy định, hướng dẫn liên quan.	Hàng năm

Số TT	STT tham chiếu QĐ 388/QĐ-BYT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Dự kiến sản phẩm đạt được	Thời gian hoàn thành
4.3	5.3	Hướng dẫn quy định về hoạt động cảnh giác Dược, thông tin thuốc, quảng cáo thuốc và triển khai thực hiện.	Sở Y tế	Các cơ sở điều trị, các đơn vị liên quan.	Sản phẩm: Báo cáo kết quả triển khai thực hiện.	Hàng năm
4.4	5.5	Tham gia góp ý xây dựng Thông tư sửa đổi, bổ sung quy định về tổ chức và hoạt động Dược lâm sàng trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và triển khai thực hiện.	Sở Y tế	Các cơ sở điều trị, các đơn vị liên quan.	Sản phẩm: Thông tư được Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành.	Đúng theo tiến độ của Bộ Y tế
4.5	5.6	Triển khai thực hiện Đề án tăng cường đào tạo Dược sĩ lâm sàng	Sở Y tế	Các đơn vị trực thuộc Sở Y tế và các đơn vị liên quan.	Sản phẩm: Triển khai thực hiện theo Đề án được Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt, cử dược sĩ đại học tại các cơ sở điều trị đi đào tạo dược lâm sàng.	Năm 2030
5	6	Công tác phát triển dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền				
5.1	6.1	Triển khai Chương trình tổng thể phát triển, phát huy tiềm năng dược liệu.	Sở Y tế	Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Dân tộc và Tôn giáo và các cơ quan, đơn vị liên quan.	Sản phẩm: Triển khai thực hiện theo Chương trình được Chính phủ, Bộ Y tế phê duyệt.	Năm 2030

Số TT	STT tham chiếu QĐ 388/QĐ-BYT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Dự kiến sản phẩm đạt được	Thời gian hoàn thành
5.2	6	<p>Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 03 tháng 7 năm 2017 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Gia Lai (Khóa XV) về bảo tồn và phát triển cây dược liệu trên địa bàn tỉnh Gia Lai đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.</p> <p>Triển khai Quyết định số 3175/QĐ-UBND ngày 24/12/2025 của UBND tỉnh Về việc ban hành Danh mục cây dược liệu có giá trị y tế và kinh tế cao trên địa bàn tỉnh Gia Lai chưa có trong Danh mục tại Quyết định số 3657/QĐ-BYT ngày 20/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế</p>	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Dân tộc và Tôn giáo và các cơ quan, đơn vị liên quan.	Sản phẩm: Kết quả triển khai Nghị quyết và Quyết định; danh mục cây dược liệu được áp dụng, cập nhật; các mô hình trồng, bảo tồn và phát triển cây dược liệu trên địa bàn tỉnh.	Năm 2030
6	7	Đẩy mạnh sử dụng thuốc trong nước				
6.1	7.1	Tham gia góp ý xây dựng Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập, trong đó có quy định nhằm tăng tỷ lệ thuốc sản xuất trong nước, ưu đãi thuốc sản xuất trong nước và cơ chế	Sở Y tế	Các cơ sở điều trị, các đơn vị liên quan.	Sản phẩm: Thông tư được Bộ Y tế ban hành.	Đúng theo tiến độ của Bộ Y tế

Số TT	STT tham chiếu QĐ 388/QĐ-BYT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Dự kiến sản phẩm đạt được	Thời gian hoàn thành
		mua sắm phù hợp đối với thuốc phát minh sản xuất trong nước, thuốc chuyển giao công nghệ và triển khai thực hiện.				
6.2	7.2	Truyền thông về chất lượng, an toàn, hiệu quả và giá hợp lý của thuốc sản xuất trong nước, các thông tin về nguồn gốc, tác dụng của dược liệu, nhất là các dược liệu đặc hữu của Việt Nam	Công ty CP Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar) và các doanh nghiệp dược.	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh, Báo và Phát thanh, truyền hình Gia Lai và các cơ quan liên quan.	Sản phẩm: Mỗi tháng có 1 phóng sự hoặc chuyên đề hoặc bản tin về lĩnh vực Dược tại tỉnh Gia Lai	Hàng năm
6.3	7.3	Tiếp tục tổ chức triển khai có hiệu quả cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng thuốc Việt Nam”.	Sở Y tế	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Sở Công Thương, các cơ sở y tế, cơ sở kinh doanh dược trên địa bàn tỉnh.	Sản phẩm: Ban chỉ đạo dược kiện toàn, các hội nghị được triển khai tỷ lệ sử dụng thuốc Việt Nam sản xuất đạt trên 65%.	Hàng năm
7	8	Chuyển đổi số để hiện đại hóa ngành dược				
7.1	8.1	Ứng dụng việc số hóa ngành dược, cơ sở dữ liệu về thuốc cho hoạt động quản lý, kinh doanh dược.	Sở Y tế	Các đơn vị liên quan, các cơ sở kinh doanh dược.	Sản phẩm: Cơ sở dữ liệu về dược đi vào hoạt động theo tiến độ triển khai của Cục Quản lý Dược, Trung tâm Thông tin Y tế Quốc gia, Bộ Y tế.	Đúng theo tiến độ của Bộ Y tế

Số TT	STT tham chiếu QĐ 388/QĐ-BYT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Dự kiến sản phẩm đạt được	Thời gian hoàn thành
7.2	8.2	Triển khai 100% cơ sở bán buôn, bán lẻ thuốc thực hiện kết nối liên thông với Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về dược.	Sở Y tế	Các đơn vị có liên quan, các cơ sở kinh doanh dược.	Sản phẩm: Hệ thống cơ sở dữ liệu dược quốc gia được nghiệm thu và đi vào hoạt động chính thức theo tiến độ triển khai của Cục Quản lý Dược, Trung tâm Thông tin Y tế Quốc gia, Bộ Y tế.	Hàng năm
7.3	8.3	Triển khai ứng dụng các công nghệ số: trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data), kết nối vạn vật y tế (IoMT), chuỗi khối (Blockchain), ... trong lĩnh vực dược-mỹ phẩm.	Sở Y tế	Các đơn vị có liên quan.	Sản phẩm: Các phần mềm được đưa vào sử dụng theo tiến độ triển khai của Cục Quản lý Dược, Trung tâm Thông tin Y tế Quốc gia, Bộ Y tế.	Đúng theo tiến độ của Bộ Y tế
8	9	Tổ chức thực hiện				
		<p>8.1. Sở Y tế:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ngành, đơn vị, địa phương liên quan hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện các hoạt động của Kế hoạch này đảm bảo chất lượng và theo tiến độ công việc được duyệt; - Hàng năm, tiến hành xây dựng kế hoạch, phối hợp Sở Tài chính xây dựng dự toán kinh phí thực hiện Kế hoạch hàng năm, đưa vào dự toán ngân sách của ngành, trình cấp có thẩm quyền xem xét, bố trí kinh phí thực hiện; - Theo dõi, đôn đốc, tổng hợp tình hình thực hiện nhiệm vụ của các sở, ngành, đơn vị, địa phương liên quan, báo cáo UBND tỉnh, Cục Quản lý Dược và Bộ Y tế về kết quả triển khai kế hoạch trước ngày 15/01 hàng năm. <p>8.2. Sở Tài chính: Phối hợp với Sở Y tế và các sở, ngành, đơn vị, địa phương liên quan hướng dẫn các đơn vị dự toán triển khai xây dựng dự toán kinh phí thực hiện Kế hoạch hàng năm theo quy định hiện hành của Nhà nước.</p> <p>8.3. Các sở, ngành, đơn vị, địa phương liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao, chịu trách nhiệm phối hợp với Sở Y tế triển khai các hoạt động của Kế hoạch này.</p>				

Số TT	STT tham chiếu QĐ 388/QĐ-BYT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Dự kiến sản phẩm đạt được	Thời gian hoàn thành
		<p>8.4. Các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ chủ trì thực hiện các hoạt động nêu tại Kế hoạch này có trách nhiệm lập, gửi báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao về Sở Y tế để tổng hợp, báo cáo trước ngày 05/01 hàng năm.</p> <p>8.5. Việc lập kế hoạch để triển khai các nội dung được phân công cho Sở Y tế, Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Công Thương, Sở Dân tộc và Tôn giáo, UBND xã, phường nêu tại Chiến lược quốc gia phát triển ngành Dược Việt Nam giai đoạn đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045 theo Quyết định số 1165/QĐ-TTg ngày 09 tháng 10 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ: Do các sở, ngành, đơn vị, địa phương liên quan chủ động thực hiện theo nhiệm vụ, hướng dẫn, chỉ đạo của các Bộ chủ quản./.</p>				